

Số: **2106/QĐ-UBND**

Bình Định, ngày **13** tháng 06 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng

Công trình: Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2015/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh Bình Định về ủy quyền, phân cấp và phân công trách nhiệm thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế, dự toán xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định và phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 5027/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn công trình: Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn;

Căn cứ Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND huyện Tây Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung danh mục công trình đầu tư phát triển năm 2016 từ các nguồn vốn do huyện quản lý;

Căn cứ Văn bản số 392/SXD-HTKTTĐ ngày 28/10/2016 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Định về việc thông báo kết quả thẩm định Dự án: Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 295/SKHĐT-KTN ngày 31/03/2017 và đề nghị của UBND huyện Tây Sơn tại Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 05/06/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Công trình: Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn với nội dung như sau:

1. Tên công trình: Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn.

2. Cấp quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn.

4. Đại diện chủ đầu tư: Ban quản lý dự án ĐT & XD huyện Tây Sơn.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án đầu tư và thiết kế cơ sở xây dựng công trình: Công ty TNHH tư vấn xây dựng L&T.

6. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Tăng cường cơ sở vật chất để đảm bảo nhu cầu cung cấp nước sạch cho 16.835 hộ dân với 4.600 người (tính đến năm 2020). Nâng cao sức khỏe, điều kiện sống cho người dân nông thôn thông qua cải thiện các dịch vụ cấp nước sạch, vệ sinh vùng dự án. Nâng cao nhận thức thay đổi hành vi của cộng đồng về bảo vệ môi trường, vệ sinh và vệ sinh cá nhân. Giảm thiểu các tác động xấu do điều kiện cấp nước và vệ sinh kém, tình trạng ô nhiễm môi trường trong cộng đồng nhằm nâng cao sức khỏe của cư dân nông thôn.

7. Địa điểm xây dựng: xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định

8. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình: Nhóm C, Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Về nội dung thiết kế cơ sở: Xây dựng trạm xử lý nước công suất 2.500.m³/ngày đêm và mạng lưới đường ống để cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn. Bao gồm các hạng mục

9.1.1 Trạm bơm nước thô:

- Khoan 5 giếng khai thác nước ngầm và xây dựng 5 trạm bơm giếng có công suất mỗi giếng 30m³/h (01 giếng đã khoan khai thác). Cung cấp và lắp đặt 4 bộ bơm chìm cho giếng G1;G2;G3;G4 công suất 30m³/h, H=30m và giếng G5 có công suất 35m³/h, H=30m, lắp đặt đường ống công nghệ, hệ thống điện điều khiển và chiếu sáng phục vụ trạm bơm.

- Diện tích xây dựng tường rào trạm bảo vệ trạm bơm (8,0x8,0 m, diện tích xây dựng nhà trạm là (3,0x3,0)m, kết cấu khung bằng bê tông cốt thép đá 1x2 mác 250; tường bằng gạch không nung dày 200 vữa xây mác 75.

9.1.2 Tuyến ống truyền tải nước thô:

Tuyến ống nước thô có đường kính D150 – DN 200, tổng chiều dài tuyến 810m; Vật liệu bằng uPVC, riêng các đoạn qua sông, suối bằng sắt tráng kẽm.

9.1.3 Nhà máy xử lý nước :

a) Giàn mưa: Lắp đặt 2 giàn mưa, kích thước mỗi giàn (2,65x1,4)m; Vật liệu bằng Inox 304.

b) Bể lắng: Xây 2 bể lắng bằng BTCT có kích thước mỗi bể: (LxBxH)=16,45x5x5,5)m chia làm 2 ngăn; Lắp đặt ống dẫn kỹ thuật; hệ thống van xả cặn, van điều khiển...

c) Bể lọc: Xây dựng 02 bể trọng lực bằng BTCT; vật liệu lọc là cát thạch anh và đan lọc HDPE; kích thước mỗi bể (LxBxH)= (3,0x3,5x4,4)m. lắp đặt hệ thống điều chỉnh tốc độ lọc xi phong đồng tâm, hệ thống ống vào và ra bể lọc,...

d) Bể chứa nước sạch: Xây dựng 01 bể chứa nước sạch bằng BTCT; kích thước LxBxH=(14x14x4)m xây dựng nửa chìm trên mặt đất trồng cỏ.

e) Trạm bơm nước sạch:

- Xây dựng 01 trạm bơm nước sạch, kết cấu bằng khung BTCT, tường xây gạch; Kích thước (BxL)=(5,2x14,6)m. cung cấp và lắp đặt 2 bộ bơm nước sạch có $Q=120\text{m}^3/\text{h}$, $H=39,5\text{m}$; 01 bơm cấp nước rửa $Q=300\text{m}^3/\text{h}$, $H=15\text{m}$; 01 bơm gió rửa lọc $Q=574\text{m}^3/\text{h}$, $H=5\text{m}$. Lắp đặt hệ thống ống và phụ tùng trong trạm bơm. Hệ thống điện điều khiển trong trạm bơm.

- Lắp đặt hệ thống ống và phụ tùng trong trạm bơm. Hệ thống điện điều khiển trong trạm bơm chạy bằng biến tần để điều chỉnh lưu lượng và áp lực bơm. Hệ thống đóng mở van bằng van điện từ.

f) Nhà hoá chất:

- Xây dựng Nhà hoá chất kết hợp với nhà kho, kích thước(BxL)= (4x6)m. Kết cấu móng trụ, khung BTCT, tường xây gạch, mái đổ sàn BTCT tại chỗ; nền lát gạch ceramic; cửa đi và cửa sổ bằng kính khung nhôm.

- Cung cấp và lắp đặt 4 bình Clo 68kg, máy châm Clo, bơm tiếp áp $Q=3\text{m}^3/\text{h}$, $H=60\text{m}$; lắp đặt hệ thống báo hiệu Clo rò rỉ và tủ điện nhà hoá chất về hệ thống châm Clo.

g) Nhà hành chính – kỹ thuật: Kích thước (BxH)=5,8x12,0)m. Kết cấu móng trụ, khung BTCT, tường xây gạch, mái đổ sàn BTCT tại chỗ; nền lát gạch ceramic; cửa đi và cửa sổ bằng kính khung nhôm.

h) Nhà điều hành, nhà ở nhân viên: Kích thước (BxH)=5,8x12,0)m. Kết cấu móng trụ, khung BTCT; tường xây gạch, mái đổ sàn BTCT tại chỗ; nền lát gạch ceramic; cửa đi và cửa sổ bằng kính khung nhôm.

i) Hồ lắng bùn: Xây dựng 2 hồ lắng bùn hình chóp cụt đáy hình chữ nhật bằng đá hộc có kích thước (LxBxH)=(17,9x7,9x2,9)m; xây tường gạch bảo vệ.

j) Tường rào cổng ngõ:

- Tường rào: Phía Bắc và phía Tây nhà máy, tường rào bằng lưới B40 tổng chiều dài 195m; phần lưới B40 cao 1,2m và phần chân tường rào cao 0,6m xây bằng gạch bê tông VXM mác 75.

- Phía Nam và Đông của nhà máy bằng tường xây gạch bê tông, bố trí lỗ cao 4,1m, tổng chiều dài 149,6m; cột bằng BTCT mác 200 đá 1x2 bên ngoài xây gạch thẻ VXM mác 75.

- Cổng ngõ: cổng chính (cổng kéo) cao 2,2m rộng 5m kết cấu bằng thép hình, sơn 1 lớp lót 2 lớp phủ, cổng phụ cao 2,2m. Bảng tên nhà máy bằng đá Granit màu đỏ rộng 2,35m cao 1,6m chữ đúc âm sơn màu vàng.

k) San nền: Đắp đắp tới cao độ +18,5m, chiều cao đắp trung bình 3,0m, vật liệu bằng đất.

l) Sân bê tông, cây xanh nội bộ nhà máy.

- Kết cấu mặt sân bằng bê tông đá 1x2, mác 200 dày 10cm trên lớp bê tông lót đá 4x6 mác 50 dày 10cm. Bó vỉa bằng bê tông đá 1x2 mác 200 dày 25cm rộng 25cm rộng 25cm.

- Trồng cây xanh tạo cảnh quan cho nhà máy.

m) Nhà để xe: Kích thước (BXL)=(3x6)m, kết cấu bằng khung kèo thép mái lợp tole.

n) Đường ống kỹ thuật, thoát nước:

- Đường ống kỹ thuật gồm ống dẫn nước lọc, ống dẫn nước từ bể lọc sang bể chứa, ống dẫn từ bể lắng sang bể lọc lắng, ống dẫn nước rửa lọc gió rửa lọc, ống dẫn từ bể chứa sang trạm bơm bằng ống thép đen sơn hai mặt bằng Epoxy có đường kính từ D150 đến DN350, ống dẫn hoá chất như Clo, ống cấp nước cho nhà điều hành chính, nhà hoá chất, rửa các bể và tưới cây khuôn viên, ống dẫn nước thô và ống dẫn nước sạch vào mạng dùng ống uPVC có đường kính DN-DN300.

- Tuyến mương dẫn nước rửa lọc từ bể lắng và bể lọc để hồ lắng bùn bằng mương xây hình chữ nhật đáy đan BTCT.

- Tuyến mương dẫn nước mưa bằng ống PVC DN300 và hồ thu nước bằng Bê tông và BTCT.

o) Đường dây và trạm biến áp 160kVA-22/0,4kV.

- Lắp đặt đường dây điện trung thế từ lưới điện Quốc gia vào đến nhà máy xử lý L= 1.300m; Lắp đặt 01 trạm biến áp công suất 160VA-22/0,4KV phục vụ khu nhà máy xử lý.

Xây dựng tuyến điện 0,4 KV từ nhà máy đến các trạm bơm giếng, tổng chiều dài 900m.

9.1.4 Mạng lưới đường ống chuyển tải và phân phối nước sạch:

- Đầu tư tuyến ống nước sạch dọc theo quốc lộ 19 và tỉnh lộ 636B đường liên thôn và một số tuyến nhánh vào các khu dân cư, Vật liệu ống sử dụng là loại uPVC, đường kính từ 32-:-250mm, tổng chiều dài 25,072km; các đoạn ống qua đường gia cường bằng ống thép hoặc BTLT, các đoạn ống đi qua cầu sử dụng ống thép và neo trên các trụ lan can cầu, Trên tuyến bố trí van xả cạn, xả khí, van chặn tuyến, các vật tư phụ tùng,...

- Lắp đặt 4.600 bộ đồng hồ lưu lượng DN15 và ống, phụ tùng phục vụ các hộ dân và công trình trên tuyến.

10. Tổng mức đầu tư: 32.636.870.000 đồng.

(Ba mươi hai tỷ, sáu trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

Trong đó:

- Kinh phí xây dựng	:	20.770.746.000đồng.
- Chi phí GPMB	:	221.003.000đồng.
- Chi phí thiết bị	:	5.052.569.000đồng.
- Chi phí Quản lý dự án	:	417.868.000 đồng.
- Chi phí tư vấn Đầu tư XD	:	1.883.295.000 đồng.
- KTCB khác	:	1.459.880.000 đồng.
- Dự phòng	:	2.831.509.000 đồng.

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư công trình và chi thanh toán cho chi phí xây dựng + thiết bị; các chi phí còn lại do ngân sách huyện Tây Sơn và các nguồn vốn hợp pháp khác cân đối chi trả.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2017-2020.

Điều 2. Giao chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản nêu tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (17b)



Trần Châu